

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 73 40 101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

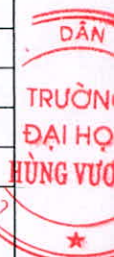
1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35
I.1	Bắt buộc	33
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức Toán, KHTN, KHXH	6
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	30
II.1	Bắt buộc	28
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	47
III.1	Bắt buộc	43
III.2	Tự chọn	4
IV	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	13
-	Thực tập 1	3
-	Thực tập 2	5
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		125

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35				
I.1		Bắt buộc	33				
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					
6	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
7	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
8	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
9	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	GET231	Tiếng Anh thư tín thương mại	2	20	20	60	
18	TAM201	Tổ chức sự kiện	2	20	20	60	
19	BAD256	Khởi nghiệp	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
20	BAD248	Kỹ năng hành chính văn phòng	2*	15	30	55	
	DPT204	Logic học đại cương	2*	20	20	60	
	ECO253	Đại cương về kinh tế môi trường	2*	20	20	60	
	MAT251	Xác suất thống kê	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	30				
II.1		Bắt buộc	28				
21	ECO309	Kinh tế vi mô 1	3	30	30	90	
22	ECO271	Kinh tế vĩ mô 1	2	20	20	60	
23	BAD257	Marketing căn bản	2	20	20	60	
24	AAC301	Nguyên lý kế toán	3	30	30	90	
25	ECO211	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	20	20	60	
26	ECO372	Kinh tế lượng ứng dụng	3	30	30	90	
27	FIB241	Tài chính tiền tệ	2	20	20	60	
28	BAD304	Quản trị học	3	30	30	90	
29	ECO273	Luật kinh tế	2	20	20	60	
30	ECO274	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	20	20	60	
31	FIB206	Thị trường chứng khoán	2	20	20	60	
32	ECO223	Thương mại điện tử	2	20	20	60	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
33	BAD202	Văn hóa kinh doanh	2*	20	20	60	
	ECO205	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2*	20	20	60	
	ECO206	Kinh tế phát triển	2*	20	20	60	
	PSY219	Tâm lý học quản lý	2*	20	20	60	
	FIB205	Bảo hiểm	2*	20	20	60	
	ECO208	Quản lý nhà nước về kinh tế	2*	20	20	60	



TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	47				
III.1		Bắt buộc	43				
34	BAD305	Quản trị nhân lực	3	30	30	90	
35	BAD306	Quản trị sản xuất	3	30	30	90	
36	BAD307	Quản trị chiến lược	3	30	30	90	
37	BAD308	Quản trị tài chính	3	30	30	90	
38	AAC324	Kế toán tài chính	3	30	30	90	
39	BAD309	Quản trị thương hiệu	3	30	30	90	
40	BAD310	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	30	30	90	
41	BAD230	Kỹ năng kinh doanh	2	15	30	55	
42	BAD312	Quản trị marketing	3	30	30	90	
43	BAD213	Quản trị chất lượng	2	20	20	60	
44	BAD214	Ứng dụng CNTT trong quản trị kinh doanh	2	15	30	55	
45	BAD218	Quan hệ công chúng	2	20	20	60	
46	BAD255	Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	2	20	20	60	
47	BAD329	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	30	90	
48	BAD250	Quản trị bán hàng	2	20	20	60	
49	BAD258	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong lĩnh vực kinh tế	2	15	30	55	
50	BAD259	Rèn luyện nghiệp vụ Quản trị kinh doanh	2		60	40	
III.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
51	BAD216	Quản trị công nghệ	2*	20	20	60	
	BAD217	Quản trị sự thay đổi	2*	20	20	60	
	BAD223	Marketing dịch vụ	2*	20	20	60	
	AAC205	Phân tích hoạt động kinh doanh	2*	20	20	60	
	BAD252	Marketing địa phương	2*	20	20	60	
	BAD225	Truyền thông marketing tích hợp	2*	20	20	60	
	BAD249	Hành vi tổ chức	2*	20	20	60	
	ECO267	Kỹ năng kinh doanh số	2*	15	30	55	
	FIB204	Thuế	2*	20	20	60	
52	ECO213	Lập và phân tích dự án	2*	20	20	60	
IV		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	13				
53	BAD331	Thực tập 1	3		90	60	
54	BAD532	Thực tập 2	5		150	100	
55	BAD560	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế Đề án tốt nghiệp	5				
56	BAD261	Chuyên đề Quản trị marketing	2	15	30	55	
57	BAD362	Chuyên đề Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	20	50	80	
Tổng:			125				

Ghi chú: Học phần Quản trị kinh doanh quốc tế (3TC) mã số BAD310 giảng dạy bằng tiếng Anh.